TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2022/DS-ST
Ngày 29-6-2022
V/v tranh chấp Hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Vũ Minh Hoàng**
Ông **Lâm Ngọc Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Châu Sơn Ca –** Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-DS ngày 15/02/2022 về tranh chấp "Hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Hoàng C**, sinh năm 1963 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Tân Q, xã N, huyện P, tỉnh C.
Bị đơn: Bà **Trà Thị T** (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn ông Trần Hoàng C trình bày:

Vào ngày 30/11/2012 (âm lịch) ông Trần Hoàng C có mở dây hụi loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần, gồm có 46 phần. Bà Trà Thị T tham gia 01 phần, bà T đã hốt hụi còn lại 08 lần hụi chết không đóng, bà T còn nợ ông số tiền 4.000.000 đồng.

Ngày 15/7/2013 (âm lịch) ông Trần Hoàng C có mở dây hụi loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần, gồm có 48 phần. Bà Trà Thị T tham gia 01 phần, bà T đã hốt hụi còn lại 36 lần hụi chết không đóng, bà T còn nợ ông số tiền 18.000.000 đồng.

Ngày 15/10/2013 (âm lịch) ông Trần Hoàng C có mở dây hụi loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần, gồm có 45 phần. Bà Trà Thị T tham gia 01 phần, bà T

đã hốt hụi còn lại 29 lần hụi chết chưa đóng, bà T còn nợ ông số tiền 14.500.000 đồng. Các dây hụi hiện nay đã mãn tổng số tiền hụi bà T còn nợ ông Trần Hoàng C là 36.500.000 đồng, bà T có trả nhiều lần với số tiền 15.573.000 đồng, số tiền còn nợ 20.927.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Hoàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trà Thị T trả cho ông số tiền 20.927.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Trà Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trà Thị T có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Trần Hoàng C khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp "Hụi" nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với bà Trà Thị T nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Hoàng C khởi kiện bị đơn bà Trà Thị T về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 20.927.000 đồng. Xét đây là quan hệ pháp luật tranh chấp "Hụi".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Hoàng C xác định 03 dây hụi bà T tham gia hiện nay đã mãn tổng số tiền hụi bà T còn nợ ông Trần Hoàng C là 36.500.000 đồng, bà T có trả nhiều lần với số tiền 15.573.000 đồng, số tiền còn nợ 20.927.000 đồng, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông 20.927.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà Trà Thị T, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã thừa nhận nợ nên không có ý kiến gì. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên cần buộc bị đơn là bà Trà Thị T trả cho nguyên đơn là ông Trần Hoàng C số tiền 20.927.000 đồng là phù hợp.

[4] Xét về án phí: Nguyên đơn không có dự nộp án phí, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hoàng C, buộc bị đơn bà Trà Thị T trả cho ông C số tiền 20.927.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trà Thị T phải chịu 1.046.350 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án đươc niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Võ Minh Luân